

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



HÀ THỊ THANH BÌNH

**HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH
TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí**

Phản biện 1: TS. Hồ Nhân Ái

Phản biện 2: TS. Nguyễn Thị Châu

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày 21 tháng 6 năm 2023

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của Luận văn.....	6
7. Bố cục của luận văn	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP..	7
1.1. Khái quát về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	7
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của cạnh tranh	7
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh	7
1.1.3. Khái niệm, đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp	8
1.2. Khái quát pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	8
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	8
1.2.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	9
1.2.3. Yếu tố tác động đến pháp luật và thực thi pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP.....	9
2.1. Thực trạng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	10

2.1.1. Quy định của pháp luật hiện hành về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	10
2.1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về chủ thể của hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	10
2.1.3. Quy định của pháp luật hiện hành về các biện pháp xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	10
2.1.4. Đánh giá quy định của pháp luật hiện hành về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	11
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	13
2.2.1. Một số kết quả đạt được	13
2.2.2. Một số vướng mắc, hạn chế	14
2.2.3. Một số nguyên nhân của vướng mắc, hạn chế	16
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	17
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	17
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật để hướng đến việc xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật độc lập	17
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đáp ứng yêu cầu tạo lập môi trường pháp lý cho cạnh tranh công bằng, lành mạnh.....	18
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp.....	19
3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế	19

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	19
3.2.1. Giải pháp xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	19
3.2.2. Giải pháp xác định chủ thể của hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	20
3.2.3. Giải pháp xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp	21
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.....	22
KẾT LUẬN CHUNG	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, cạnh tranh được thừa nhận là yếu tố đảm bảo cho việc duy trì tính năng động và hiệu quả của nền kinh tế. Pháp luật và chính sách về cạnh tranh là một trong các bộ phận quan trọng của nền tảng pháp lý cho việc hình thành nền kinh tế thị trường. Việc đảm bảo cạnh tranh tự do và công bằng thường được coi là giải pháp quan trọng nhằm tạo ra môi trường đầu tư KD lành mạnh, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế chung của đất nước nhưng trên thực tế ở đâu có tự do cạnh tranh là ở đó có khả năng xảy ra hành vi CTKLM. Mọi DN luôn nỗ lực cung cấp các sản phẩm có ích, hiệu quả, tiết kiệm nhất, giá thành rẻ nhất và chất lượng tốt nhất nhằm được người tiêu dùng lựa chọn nhưng sự nỗ lực của một DN chân chính sẽ trở nên vô nghĩa nếu như có những hiện tượng không tuân thủ quy tắc cơ bản của cạnh tranh, cố ý lừa dối người tiêu dùng và giành lợi thế bằng cách hạ thấp đối thủ cạnh tranh, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi người tiêu dùng, kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế.

Ở nước ta, trong những năm gần đây, tình trạng vi phạm quyền SHTT nói chung và quyền SHCN nói riêng đã trở thành một vấn đề nổi cộm, tuy chưa có một thống kê chính thức và toàn diện nào về tình trạng vi phạm, song qua các phương tiện thông tin đại chúng có thể thấy, sự vi phạm diễn ra ngày càng phổ biến, mức độ theo chiều hướng trầm trọng hơn và cách thức ngày càng tinh vi hơn. Ngoài các biện pháp bảo vệ quyền như: Biện pháp dân sự, hình sự, hành chính hay biện pháp kiểm soát tại biên giới, mà chủ thể bị vi phạm quyền SHTT có thể áp dụng hay đề nghị áp dụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì khi Chính phủ ban hành nghị định về bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống CTKLM liên quan tới SHCN ra đời, các chủ thể của quyền SHCN đã được trang bị "vũ khí" tự vệ mới, đó là các quy định về bảo hộ quyền chống CTKLM liên quan tới SHCN.

Để kịp thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phát triển đất nước về mọi mặt, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện nhiều quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực cạnh tranh và SHTT đã đem lại nhiều kết quả tích cực đáng ghi nhận. Đặc biệt với sự ra đời của LCT năm 2018 và LSHTT năm 2005 sửa đổi bổ sung qua các năm 2009, 2019, 2022 thì đây được xem là một thành công lớn trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về CTKLM liên quan tới quyền SHCN bởi các quy định khá rõ ràng về các hành vi CTKLM, đạt độ tương thích với pháp luật quốc tế và pháp luật các nước khác trên thế giới. Tuy nhiên, trên thực tế để đạt được hiệu quả như mong muốn là vấn đề không đơn giản. Bởi, những bất cập từ những quy định của pháp luật cũng như những vướng mắc từ thực tiễn áp dụng như: các quy định làm cơ sở pháp lý điều chỉnh hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN còn thiếu sự thống nhất, chặt chẽ và toàn diện dẫn đến chồng chéo và xung đột; hầu hết các quy định pháp luật chống CTKLM đều là quy phạm nội dung, còn thiếu các quy phạm thủ tục và những hướng dẫn cụ thể về trình tự xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN; một số quy định pháp luật chưa rõ ràng, chế tài còn lỏng lẻo, các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính vẫn chưa đủ sức răn đe, mức xử phạt thấp trong khi đó các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN xảy ra ngày càng phổ biến, tinh vi hơn và gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn. Chính những bất cập trên dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể KD không được bảo đảm, tác động xấu đến môi trường tự do KD ở nước ta cũng như làm giảm đi sức thu hút đầu tư nước ngoài, qua đó ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, làm chậm đi tiến trình hội nhập quốc tế.

Vì vậy, việc nghiên cứu, luận giải hành vi CTKLM, các quy định của pháp luật cũng như làm rõ thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng các biện pháp về xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN là rất cần thiết, qua đó, định hướng và đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Đó cũng là lý do mà tôi lựa chọn đề tài “**Hành vi cạnh tranh không lành mạnh**”

trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo pháp luật Việt Nam” để nghiên cứu và làm luận văn thạc sĩ Luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong những năm qua được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong giới Luật học và giới KD cũng đã có một số công trình nghiên cứu và bài viết về cạnh tranh nói chung và cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT, có thể kể đến:

Vũ Thị Hồng Nhung (2018), *Hành vi CTKLM trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học mở Hà Nội. Luận văn nghiên cứu các quy định hiện hành về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN để từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Phạm Thị Tươi (2019), *Quy định về hành vi CTKLM theo Luật cạnh tranh năm 2018*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa luật, Trường Đại học Ngoại thương. Luận văn trình bày một số vấn đề lý luận về CTKLM, nêu và phân tích các quy định về CTKLM theo quy định của pháp luật Việt Nam, phân tích và nhận xét một số vụ việc cạnh tranh điển hình, từ đó đề xuất những hướng xử lý và giải quyết liên quan đến hành vi CTKLM tại Việt Nam.

Nguyễn Thuỳ Dung (2021), *Mối quan hệ giữa pháp luật chống CTKLM và pháp luật SHTT trong kiểm soát hành vi CTKLM liên quan đến nhãn hiệu ở Việt Nam*, tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 353 tháng 8. Bài viết đã phân tích rõ mối quan hệ giữa pháp luật chống CTKLM và pháp luật SHTT trong kiểm soát hành vi CTKLM liên quan đến nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay, qua đó đưa ra một số tồn tại, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật kiểm soát CTKLM liên quan đến nhãn hiệu ở Việt Nam hiện nay.

TS. Bùi Hữu Toàn (2021), *Biện pháp xử phạt vi phạm hành chính - Công cụ hiệu quả để bảo vệ quyền SHTT*, tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số tháng 9 (354). Bài viết làm rõ những lợi thế của việc bảo vệ quyền SHTT bằng xử phạt vi phạm hành chính so với việc chủ sở hữu tự bảo vệ quyền SHTT của mình hoặc thông qua biện pháp dân sự hay biện pháp hành sự, từ đó đề xuất một số

kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT.

TS. Nguyễn Xuân Quang và Lê Nhật Hồng (2022), *Thực thi quy định mới về nhãn hiệu theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2022, tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số tháng 8 (365)*. Bài viết phân tích quy định mới và đề xuất giải pháp thực thi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT được thông qua ngày 16/6/2022 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023) về nhãn hiệu.

Luận văn kế thừa một số nội dung sau:

Về lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật, luận văn kế thừa: Trên cơ sở nghiên cứu, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những nội dung về phương pháp luận, một số khái niệm, yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật và thực thi pháp luật mang tính pháp lý cũng như gợi mở định hướng một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN tại Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn cung cấp luận cứ khoa học làm cơ sở để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

Một là, hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận, lý luận pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

Hai là, phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN tại Việt Nam.

Ba là, đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là một số vấn đề lý luận pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN và thực tiễn thực hiện pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật từ khi Luật Cảnh tranh năm 2018 (LCT) và Luật SHTT (LSHTT) năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022.

Về mặt không gian: Ở Việt Nam.

Về mặt thời gian: Từ năm 2017 cho đến năm 2022.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu các vấn đề thuộc đề tài này, tác giả đã kết hợp sử dụng một số phương pháp chung được áp dụng trong nghiên cứu khoa học như phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, những quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, Luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

Phương pháp phân tích và tổng hợp

Phân tích là nghiên cứu các tài liệu, lý luận và quy định của pháp luật; thông qua việc phân tích các quan điểm khoa học, quy định của pháp luật hiện hành, tổng hợp thành những nhận định, khái niệm khoa học. Phương pháp này được sử dụng trong toàn bộ Luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích các quy định của pháp luật,...

Phương pháp hệ thống hóa lý thuyết

Phân loại là sắp xếp các tài liệu khoa học theo từng mặt, từng đơn vị, từng vấn đề có cùng dấu hiệu bản chất, cùng một hướng phát triển hệ thống hóa

là chuẩn bị tri thức thành một hệ thống trên cơ sở một mô hình lý thuyết làm sự hiểu biết về đối tượng tất tần tận hơn.

Hệ thống hóa lý luận và lý luận pháp luật thành hệ thống trên cơ sở tiếp cận lý thuyết làm rõ một số vấn đề lý luận về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN, phương pháp này được sử dụng chủ yếu ở Chương 1.

Phương pháp so sánh luật: Phương pháp này thiết yếu so sánh pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài để chỉ ra sự tương đồng, khác biệt. So sánh luật cũng có thể xác định những khuyết điểm của pháp luật Việt Nam, từ đó gợi mở cho Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Phương pháp này còn được sử dụng để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập trung chủ yếu ở Chương 2.

Phương pháp phỏng đoán khoa học: Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong Chương 3 để đề xuất giải pháp cho việc hoàn thiện luật.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của Luận văn

Ý nghĩa về lý luận: Luận văn làm sâu sắc thêm các vấn đề lý luận về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Luận văn nghiên cứu, kế thừa, phát triển cơ sở lý luận của pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN làm căn cứ cho việc nghiên cứu thực trạng pháp luật và đề xuất các kiến nghị.

Ý nghĩa về thực tiễn: Những phân tích và giải pháp đưa ra nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN để thực sự đưa Luật đi vào đời sống. Đồng thời, cải thiện môi trường KD thu hút đầu tư trong và ngoài nước, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Là tài liệu cho các học giả quan tâm, đặc biệt làm tài liệu nghiên cứu và học tập cho sinh viên Luật khi nghiên cứu pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, danh mục viết tắt, luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1.1. Khái quát về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của cạnh tranh

1.1.1.1. Khái niệm cạnh tranh

Cạnh tranh là một sản phẩm tất yếu của nền kinh tế thị trường, cạnh tranh là sự ganh đua về kinh tế giữa những chủ thể trong nền SX hàng hóa nhằm có được những điều kiện tốt hơn trong sản xuất và tiêu thụ để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của DN.

1.1.1.2. Đặc điểm của cạnh tranh

- *Cạnh tranh là hiện tượng xã hội diễn ra giữa các chủ thể KD*
- *Về mặt hình thức, cạnh tranh là sự ganh đua, sự kình địch giữa các DN*
- *Mục đích của các DN tham gia cạnh tranh là cùng tranh giành thị trường mua hoặc bán sản phẩm.*

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.1.2.1. Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Tại Khoản 6 Điều 3 LCT Việt Nam năm 2018 đưa ra định nghĩa về CTKLM như sau: “*Hành vi CTKLM là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác*

trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác”.

1.1.2.2. Đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Thứ nhất, hành vi CTKLM là hành vi cạnh tranh do các chủ thể KD trên thị trường thực hiện, nhằm mục đích lợi nhuận.

Thứ hai, hành vi CTKLM là hành vi có tính chất đối lập, đi ngược lại các nguyên tắc, thông lệ tốt trong KD, có thể hiểu là những quy tắc xử sự chung đã được chấp nhận rộng rãi và lâu dài trong hoạt động KD trên thị trường.

Thứ ba, hành vi cạnh tranh bị kết luận là không lành mạnh và cần phải ngăn chặn khi nó gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại cho DN khác.

1.1.3. Khái niệm, đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp

1.1.3.1. Khái niệm quyền sở hữu công nghiệp

Dưới góc độ khoa học pháp lý, quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Luật SHTT thì: “*Quyền SHCN là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống CTKLM.*”.

1.1.3.2. Đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp

- *Đối tượng của quyền SHCN luôn gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh*

- *Quyền SHCN được bảo hộ thông qua thủ tục đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*

- *Quyền SHCN được bảo hộ theo thời hạn của văn bằng bảo hộ*

1.2. Khái quát pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

1.2.1. Khái niệm pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Đến nay vẫn chưa có khái niệm cụ thể về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN mà pháp luật chỉ liệt kê ra các hành vi CTKLM trong lĩnh vực này nhưng

dựa vào định nghĩa mà LCT Việt Nam đưa ra về CTKLM thì Pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN được hiểu là “*Tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các tập quán trung thực, thiện chí trong thương mại, xâm phạm các đối tượng SHCN và các đối tượng có liên quan đến quyền SHCN gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người được sử dụng hợp pháp các đối tượng SHCN; đồng thời xác định trách nhiệm pháp lý của các chủ thể thực hiện những hành vi này cũng như các trình tự, thủ tục khiếu nại, khởi kiện, các biện pháp xử lý và chế tài áp dụng đối với các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN*”.

1.2.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

- Thứ nhất, các loại hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN
- Thứ hai, chủ thể của hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN
- Thứ ba, các biện pháp xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

1.2.3. Yếu tố tác động đến pháp luật và thực thi pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

- Chủ thể thực hiện hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN
- Chủ thể bị thiệt hại hoặc có nguy cơ bị thiệt hại do hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.
- Chế tài xử lý
- Cơ quan thực thi pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

2.1. Thực trạng pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

2.1.1. Quy định của pháp luật hiện hành về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

2.1.1.1. Hành vi chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn

2.1.1.2. Hành vi sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế

2.1.1.3. Hành vi chiếm hữu sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn

2.1.2. Quy định của pháp luật hiện hành về chủ thể của hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Các quy định pháp luật về chủ thể của hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận, xác định các chủ thể của hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN bao gồm: chủ thể thực hiện hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN, chủ thể bị thiệt hại hoặc có nguy cơ bị thiệt hại do hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN, cơ quan thực thi pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

2.1.3. Quy định của pháp luật hiện hành về các biện pháp xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Các quy định về các biện pháp xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận, quy định các hình thức xử lý đối với chủ thể thực hiện hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Bao gồm:

2.1.3.1. Biện pháp tự bảo vệ

2.1.3.2. Biện pháp hành chính

2.1.3.3. Biện pháp dân sự

2.1.3.4. Biện pháp hình sự

2.1.3.5. Kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ

2.1.4. Đánh giá quy định của pháp luật hiện hành về hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

2.1.4.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN: (i) Quy định về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN đã chủ động tạo môi trường pháp luật để hạn chế tối đa hậu quả của các hành vi CTKLM, khuyến khích các DN SX, KD đầu tư vào khoa học, công nghệ, phát triển SX, KD; (ii) Giữa các quy định của LCT và LSHTT đã có sự gắn kết với nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng giải quyết các vụ việc cụ thể; (iii) Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành đã xác định tương đối đầy đủ các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN được quy định một cách cụ thể, trong đó đã đưa ra được các quy phạm định nghĩa, các hình thức xử lý cho từng hành vi, khắc phục được những thiếu sót mà quy định trước đây còn bỏ ngõ.

Thứ hai, về chủ thể hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN: Quy định về chủ thể tham gia quan hệ CTKLM trong lĩnh vực SHCN ở Việt Nam tương đồng với quy định của pháp luật các nước trên thế giới về chủ thể thực hiện hành vi và chủ thể bị thiệt hại hoặc có nguy cơ bị thiệt hại do hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN gây ra.

Thứ ba, về các biện pháp xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN: Các quy định về biện pháp xử lý các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN đầy đủ hơn, chế tài xử lý nghiêm khắc hơn, các biện pháp khắc phục hậu quả cũng mang tính hiệu quả hơn hạn chế tối đa hậu quả của các hành vi CTKLM

2.1.4.2. Tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

Quy định của pháp luật hiện hành có các văn bản pháp luật về cạnh tranh và SHTT còn nhiều quy định không thống nhất, không tập trung trong một văn bản pháp luật mà vẫn còn nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực khác nhau, dẫn đến sự chồng chéo, làm phát sinh nhiều kẽ hở, gây khó khăn cho việc áp dụng luật và quá trình xử lý các vụ việc tranh chấp xảy ra.

Mặc dù các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN đã được quy định khá cụ thể và đầy đủ, tuy nhiên, việc quy định cá dấu hiệu xác định từng loại hành vi

CTKLM trong lĩnh vực SHCN vẫn chưa thực sự rõ ràng dẫn đến cách hiểu khác nhau về các hành vi này.

Hiện nay, tại Việt Nam chưa có luật riêng điều chỉnh từng đối tượng SHTT. Kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia phát triển với hệ thống pháp luật về SHCN tương đối phát triển như Mỹ, Đức, Nhật Bản, Pháp... thì các nước này đều có luật riêng điều chỉnh từng đối tượng SHTT như: Luật nhãn hiệu hàng hóa, Luật sáng chế..., một số ít nước có Bộ luật SHTT như Pháp hoặc có nước vừa có Luật bản quyền và Luật SHCN. Như vậy, hệ thống luật pháp của Việt Nam chưa phù hợp với mô hình phổ biến của các quốc gia trên thế giới, do đó cũng ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực SHTT nói chung và SHCN nói riêng.

Thứ hai, về chủ thể hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN: LCT không công nhận người tiêu dùng là chủ thể bị thiệt hại do hành vi CTKLM gây ra, điều này đi ngược lại với xu hướng hiện nay của các quốc gia trên thế giới trong việc tăng cường, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng.

Thứ ba, về các biện pháp xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Các quy định của pháp luật về xử lý hành vi CTKLM mới chỉ mang tính nguyên tắc, chưa cụ thể, tính thực thi không cao nên chưa ngăn cản và xử lý hiệu quả các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

Các chế tài xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN chủ yếu mới chỉ dừng lại ở xử phạt hành chính, điều này đi ngược lại với xu hướng chung của quốc tế và không phù hợp với bản chất dân sự của CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Lợi thế của biện pháp hành chính là áp dụng nhanh chóng, không tốn nhiều thời gian và tiền bạc. Tuy nhiên, mức xử phạt vẫn còn thấp so với mức lợi nhuận mà DN thực hiện hành vi CTKLM thu được, dẫn tới việc DN vi phạm sẵn sàng nộp phạt. Ngoài ra, trong khi biện pháp hình sự là một biện pháp rất quan trọng nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội, thì lại chỉ được áp dụng đối với các cá nhân phạm tội mà không thể truy cứu TNHS đối với các pháp nhân, trong khi nhóm tội về SHCN chủ yếu là do tổ chức thực hiện.

Các quy định về xử lý CTKLM liên quan đến lĩnh vực SHCN chưa bao quát hết các hành vi CTKLM có thể xảy ra trong thực tế, do đó, khi có những trường hợp ngoại lệ thì rất khó có thể tìm được một cơ sở pháp lý để bảo vệ chủ sở quyền SHCN. *Ví dụ:* hiện tượng chiếm dụng, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đã gây dựng được uy tín trên thị trường xảy ra ngày càng phổ biến hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn quá ít các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh vấn đề này. Do đó, còn khó khăn trong việc giải quyết nhanh chóng và dứt điểm các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN như trên.

Hiện nay, việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hành vi CTKLM đang được giao cho nhiều cơ quan xử lý dẫn đến có sự chông chéo, chưa thống nhất, hiệu quả áp dụng của các biện pháp dân sự của Tòa án chưa cao.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

2.2.1. Một số kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, việc giải quyết các tranh chấp về SHTT trong đó có SHCN tại Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng kể về cả số lượng cũng như chất lượng, đặc biệt là sau khi Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực, theo đó hình sự hóa tội phạm xâm phạm quyền SHTT của pháp nhân thương mại.

Tính riêng năm 2018, Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã thanh tra, xử lý đối với 40 đối tượng vi phạm về SHCN, tổng số tiền phạt là 366,2 triệu đồng (VNĐ). Tính đến 09 tháng đầu năm 2019, số lượng đơn Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận khoảng hơn 90 đơn trong khi đó đã giải quyết được 72 đơn đề nghị xử lý vi phạm về SHCN (gấp đôi số lượng đơn giải quyết của năm 2018), trong đó đã tiến hành 46 cuộc thanh tra, xử lý vi phạm hành chính 20 đối tượng vi phạm với tổng số tiền phạt 730,4 triệu đồng (VNĐ). Ngoài ra, theo số liệu thống kê từ năm 2014 đến năm 2019, các lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý 1.057.934 vụ buôn lậu và gian lận thương mại (trong đó có hành vi xâm phạm quyền SHTT) thu nộp ngân sách nhà nước hơn 91 nghìn tỷ đồng, khởi tố 8.788 vụ, với 10.404 đối tượng buôn lậu. Trong công tác chống

buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, 6 tháng đầu năm 2020, các lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý gần 75.000 vụ việc vi phạm, thu nộp ngân sách gần 11.300 tỷ đồng (tăng 83% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó số thu từ lực lượng thuế và hải quan tăng mạnh, lần lượt là 98% và 44%), khởi tố 1.128 vụ án, với hơn 1.346 đối tượng.

Theo thống kê của Cục SHTT vào năm 2020, các tỉnh, thành phố đều có nhiều nỗ lực trong công tác thực thi quyền SHTT. Theo đó, tính tổng số trên cả nước đã có 2445 vụ xử lý xâm phạm quyền SHCN được thực hiện, trong đó chủ yếu là về nhãn hiệu với 2444 vụ, tổng số tiền phạt là 21.418.597.000 đồng với 203.198.069 sản phẩm bị xử lý. Số liệu nêu trên cho thấy số vụ vi phạm đã giảm 32% số vụ (năm 2019 là 3.293 vụ), giảm 23% tổng số tiền phạt (năm 2019 là 26.536.667.000 đồng) so với năm 2019.

2.2.2. Một số vướng mắc, hạn chế

Thứ nhất, về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

LCT vẫn còn chưa cụ thể hóa hết các hành vi CTKLM xảy ra trên thị trường. Các hành vi CTKLM ngày càng tinh vi trong khi đó pháp luật không kịp điều chỉnh.

Các hành vi CTKLM theo quy định của pháp luật Việt Nam chưa có hệ thống đầy đủ cũng như chưa thể hiện triết lý lập pháp rõ ràng. Một số hành vi được tiếp thu từ kinh nghiệm xây dựng pháp luật cạnh tranh của các quốc gia phát triển tại các giai đoạn lịch sử khác nhau, một số khác xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý hoạt động thương mại trong nước. Ngoài nội dung các điều luật tại Chương VI - LCT 2018 thì chưa có hướng dẫn cụ thể hơn về CTKLM tại các văn bản dưới Luật. Trong đó quan trọng nhất là Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của LCT chỉ có hướng dẫn về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh và tổ tụng cạnh tranh và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.

Theo quy định của Khoản 1 Điều 130 LSHTT hành vi CTKLM được thực hiện liên quan đến các đối tượng là: chỉ dẫn thương mại, nhãn hiệu và tên miền, “chỉ dẫn thương mại” được liệt kê bao gồm: nhãn hiệu, tên thương

mai, biểu tượng KD, khẩu hiệu KD, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá. Trên thực tế ta thấy kiểu dáng công nghiệp có vai trò quan trọng trong việc làm tăng giá trị sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của chủ thể KD nhờ vậy nên trên thực tế không ít trường hợp các đối thủ cạnh tranh sao chép, bắt chước kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm của chủ thể KD nhằm có được lợi thế cạnh tranh của người tiêu dùng.

Hành vi xâm phạm BMKD trong LCT và trong LSHTT chưa được quy định đầy đủ các dấu hiệu và cơ chế bảo hộ. LCT đã quy định hành vi xâm phạm thông tin bí mật trong KD để phân biệt với hành vi xâm phạm BMKD trong LSHTT nhưng cũng không có quy phạm định nghĩa để hiểu rõ sự khác biệt giữa hai nhóm hành vi này.

Việc quy định về mục đích của hành vi chiếm hữu, sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn theo điểm d, Khoản 1 Điều 130 LSHTT chưa giải quyết triệt để yêu cầu đặt ra.

Thứ hai, về chủ thể hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

LCT hiện hành không quy định người tiêu dùng chủ thể bị thiệt hại. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, LCT với vai trò của một đạo luật chung, điều chỉnh hoạt động KD trên thị trường thì khái niệm hành vi CTKLM cần bao quát đầy đủ các chủ thể bị thiệt hại làm cơ sở để Luật bảo vệ người tiêu dùng quy định chi tiết hơn.

Một số DN bị xâm hại đến quyền SHTT nhưng do thiếu kiến thức nên chưa có biện pháp để tự bảo vệ cũng như chưa có sự can thiệp, bảo vệ từ các cơ quan có thẩm quyền.

Tình trạng hàng hóa giả mạo quyền SHCN đáng báo động tại Việt Nam đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế và sức khỏe của người tiêu dùng. Tình trạng này đã giúp các thực thể trong khu vực “kinh tế ngầm” thu lợi từ thuế trong khi số lượng hàng giả được bán trôi nổi ra thị trường đem đến nhiều rủi ro sức khỏe cho người tiêu dùng. Ngoài ra, vấn đề hàng giả cũng làm giảm lợi thế của Việt Nam trong việc thu hút nhà đầu tư nước ngoài. Điều này thể hiện rõ nhất với các lĩnh vực nhạy cảm về sở hữu trí tuệ, ví dụ như các ngành sử dụng công nghệ tập trung vào hoạt động nghiên cứu & phát triển, năng suất lao động và đổi mới

sáng tạo. Với các lĩnh vực này, DN cũng không còn muốn đầu tư vào Việt Nam hoặc giới thiệu các thiết kế mới do lo sợ bị xâm phạm bản quyền, quyền SHCN. Ngoài ra, nó cũng đe dọa tới sự phát triển của các DN trong nước. Đối tượng buôn bán hàng giả tại Việt Nam đang ngày càng tinh vi hơn về phương pháp và cách thức thực hiện cũng như trong cách sử dụng công nghệ làm giả để tạo ra những sản phẩm có bề ngoài tương đồng với các sản phẩm thật mà người dùng khó có thể nhận ra. Trong khi tình trạng hàng giả vốn tập trung vào các thương hiệu nổi tiếng toàn cầu, ngày càng nhiều hàng hóa của các thương hiệu nổi tiếng trong nước cũng bị làm giả. Tuy nhiên, đi ngược với tình trạng tăng lên nhanh chóng về số lượng vụ vi phạm cũng như độ tinh vi, phức tạp của hành vi xâm phạm.

Thứ ba, về các biện pháp xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN

Việc xử lý các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHTT nói chung và trong lĩnh vực SHCN nói riêng bằng các chế tài khác nhau đã được nêu rõ ràng với từng hành vi cụ thể nhưng chủ yếu là các biện pháp hành chính nên tính răn đe là còn thấp. Biện pháp hành chính xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN không được quy định thống nhất giữa các văn bản pháp luật hiện hành. Cụ thể như pháp luật SHTT quy định 4 hình thức khắc phục hậu quả trong khi LCT chỉ quy định một hình thức là buộc cải chính công khai; mức tiền phạt đối với hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN chưa tương thích giữa quy định của LSHTT VÀ LCT. Hai lĩnh vực này quy định khác nhau về cả khung tiền phạt và căn cứ tính mức tiền phạt. Điều này dẫn đến bất hợp lý cùng một hành vi nếu do các cơ quan khác nhau xử lý, áp dụng quy định các văn bản khác nhau sẽ bị xử phạt với mức khác nhau.

Các lực lượng chức năng có thẩm quyền xử lý các tranh chấp về SHTT lại chưa đủ mạnh ngang tầm nhiệm vụ được giao trong công tác đấu tranh bảo vệ quyền SHTT. Trình độ chuyên môn của các cán bộ, nhân viên trong các cơ quan thực thi phần nào còn hạn chế.

2.2.3. Một số nguyên nhân của vướng mắc, hạn chế

Một là, hệ thống văn bản pháp luật có liên quan vẫn còn chưa thực sự chặt chẽ, thiếu tính đồng bộ, thống nhất.

Hai là, phần lớn các DN chưa thực sự chú trọng đến việc bảo vệ các quyền SHCN của mình, chưa có ý thức cao trong việc thực hiện đăng ký bảo hộ, đồng thời cũng chưa nhận thức sâu sắc về hậu quả của hành vi CTKLM mà đối thủ cạnh tranh gây ra cho bản thân DN bị xâm phạm, lợi ích người tiêu dùng và lợi ích chung của toàn xã hội.

Ba là, tổ chức và hoạt động của các cơ quan có trách nhiệm đấu tranh với các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN còn thiếu đồng bộ và chồng chéo, nhiều tầng nấc xử lý khiến hiệu lực thực thi pháp luật bị phân tán, phức tạp.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật để hướng đến việc xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật độc lập

Đây là định hướng quan trọng đảm bảo thống nhất trong nhận thức và thực hiện pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SCHN. Xây dựng các quy định pháp luật thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn hướng đến hoàn thiện pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN. Định hướng này đòi hỏi phải thực hiện những yêu cầu sau:

Thứ nhất, rà soát các quy định pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN để phát hiện những bất cập và đưa ra các giải pháp hoàn thiện, đảm bảo tính thống nhất với cả hệ thống pháp luật. Để thực hiện được điều này cần đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung của hệ thống pháp luật. Đồng thời, đạt độ tương thích với pháp luật và tập quán thương mại quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN tham gia vào thị trường hàng hóa quốc tế, đồng thời đẩy nhanh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Thứ hai, rà soát trong nội bộ các quy định pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN để tránh chồng chéo, trùng lặp. Đặc thù của pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN là các quy định nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Do đó việc rà soát phải được tiến hành thường xuyên đặc biệt là đối với các văn bản hướng dẫn thi hành để tránh chồng chéo với các văn bản có hiệu lực cao hơn hoặc văn bản trong lĩnh vực khác có liên quan.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đáp ứng yêu cầu tạo lập môi trường pháp lý cho cạnh tranh công bằng, lành mạnh

Pháp luật CTKLM nói chung và pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN nói riêng đều được coi là một giải pháp cho việc tăng cường bảo hộ quyền SHTT nói chung, quyền SHCN nói riêng. Do đó, pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN cần được hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu:

Thứ nhất, pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN hướng tới mục tiêu tạo lập môi trường pháp lý cho các DN tham gia thị trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh, không phân biệt đối xử giữa các chủ thể khác nhau cùng tham gia thị trường phù hợp với nguyên tắc của WTO và các cam kết quốc tế khác. Xây dựng một khung pháp luật chung cho các DN thuộc mọi thành phần kinh tế, xoá bỏ đặc quyền và độc quyền KD, cải thiện môi trường đầu tư; từng bước thống nhất pháp luật áp dụng đối với đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Điều này có nghĩa các quy định pháp luật phải tạo dựng khuôn khổ để khuyến khích các chủ thể KD thực hiện hành vi cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, xử lý nghiêm các hành vi CTKLM; các biện pháp chế tài xử lý hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN phải có tính răn đe, thuyết phục, cơ quan được giao nhiệm vụ phải có đủ thẩm quyền và khả năng giải quyết các vụ việc, sai phạm trong hoạt động KD.

Thứ hai, các quy định của pháp luật phải có tính khả thi cao, có tính dự báo tốt, minh bạch, cụ thể, dễ áp dụng và phù hợp với thực tiễn hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN ở Việt Nam. Đây là yêu cầu bắt buộc và là cơ sở quan trọng cho việc áp dụng các quy định của pháp luật và thực tiễn.

Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện pháp luật quy định về cơ quan có thẩm quyền giải quyết các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN đáp ứng yêu cầu nhanh chóng, hiệu quả. Hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN khi bị phát hiện cần được giải quyết nhanh chóng, kịp thời bảo vệ lợi ích của các chủ thể.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp

Pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN phải trở thành công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của DN và của người tiêu dùng. Pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN là một trong các biện pháp bảo vệ quyền SHTT nói chung, quyền SHCN nói riêng của chủ sở hữu hoặc người có thẩm quyền sử dụng hợp pháp các đối tượng của quyền SHCN.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN chịu sự tác động lớn của các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Do đó, hoàn thiện pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN cũng phải tính đến các yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó Việt Nam cần tiếp tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thuế quan, ... Đồng thời, đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về SHCN và CTKLM trong lĩnh vực SHCN để phù hợp với thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Theo như phân tích và đánh giá ở Chương 2, pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN ở Việt Nam còn nhiều bất cập cần được hoàn thiện. Trên cơ sở những đánh giá về các bất cập hiện tại cũng như tham khảo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, Luận văn đề xuất một số giải pháp tương ứng với nội dung của pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN như sau:

3.2.1. Giải pháp xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, trao quyền cho cơ quan hướng dẫn thi hành xác định các loại hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN mới xuất hiện ngoài các hành vi đã được liệt kê.

Thứ hai, đề xuất bổ sung kiểu dáng công nghiệp là một trong các yếu tố của “chỉ dẫn thương mại”. Trong hoạt động XS, KD kiểu dáng công nghiệp cũng có vai trò hết sức quan trọng đối với mục tiêu xây dựng thương hiệu, thu hút người tiêu dùng. Nhãn hiệu thường chỉ là hình thức bên ngoài, có thể gây ấn tượng đầu tiên cho khách hàng, tăng giá trị sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của chủ thể KD. Chính vì vậy, không ít trường hợp đối thủ KD đã sao chép, bắt chước kiểu dáng công nghiệp nhằm có được lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Thứ ba, LSHTT cần bổ sung hành vi xâm phạm BMKD như một hành vi CTKLM trong Điều 130. Như vậy, LSHTT sẽ mang tính đồng bộ hơn, các quy định về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN không bị nằm trong các văn bản khác nhau.

Thứ tư, sửa đổi quy định về mục đích của hành vi đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn theo điểm d, Khoản 1, Điều 130 LSHTT để làm rõ hơn mục đích của hành vi CTKLM. Bởi thiệt hại nếu có là thiệt hại đối với chủ sở hữu hoặc người được sử dụng hợp pháp đối tượng của quyền SHCN chứ không phải bản thân đối tượng đó.

3.2.2. Giải pháp xác định chủ thể của hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Luận văn đề xuất giữ nguyên quan điểm như quy định của LCT 2004 về công nhận người tiêu dùng là chủ thể bị thiệt hại hoặc có nguy cơ bị thiệt hại do hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN gây ra. Theo xu hướng hiện nay trên thế giới, Toà án các nước khi xác định có phải là hành vi CTKLM hay không, không chỉ căn cứ vào việc có gây thiệt hại cho đối thủ cạnh tranh mà còn căn cứ vào việc có gây thiệt hại cho người tiêu dùng hay không. Do đó Luận văn đề xuất sửa đổi khoản 6 Điều 3 LCT như sau: “*Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc*

có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng”

3.2.3. Giải pháp xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

- Về biện pháp xử lý hành chính

Thứ nhất, pháp luật quy định rõ hơn về cơ chế tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Thứ hai, cần có quy định rõ ràng về phân công thẩm quyền giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong việc giải quyết hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN.

Thứ ba, về lâu dài, việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN nên được giao cho Tòa án.

Thứ tư, cần bổ sung, sửa đổi các quy định về biện pháp hành chính như: thống nhất quy định trong Luật SHTT; bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, phạm vi áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc cải chính công khai”; cần quy định thủ tục thực hiện đối với biện pháp khắc phục hậu quả “trả lại tên miền vi phạm” để đảm bảo tính khả thi trên thực tế.

Thứ năm, thời gian tới cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Bởi hiện nay với mức xử phạt như đã trình bày theo tác giả vẫn còn khá thấp, chưa phù hợp so với thực tế hậu quả hàng hóa xâm phạm quyền SHTT có thể gây ra đối với chủ thể quyền và người tiêu dùng.

- Về biện pháp xử lý dân sự: Hoàn thiện các quy phạm về chế tài dân sự, trong đó, chế tài về bồi thường thiệt hại cần được đặc biệt quan tâm. Hiện nay, hiệu quả áp dụng biện pháp dân sự của Tòa án chưa cao nhưng về lâu dài vẫn cần khắc phục những hạn chế của Tòa án để chịu trách nhiệm chính trong việc giải quyết các tranh chấp về CTKLM.

- Về biện pháp hình sự: Cần bổ sung quy định các tội phạm do hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN trong Bộ luật hình sự và tăng khung hình phạt tù từ “phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” lên “phạt tù từ 03 năm đến 07 năm” đối với Khoản 2 Điều 226 BLHS năm 2015.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN dù còn những quy định cần sửa đổi, hoàn thiện hơn nhưng xét về tổng thể, các quy định pháp luật điều chỉnh được xây dựng khá đầy đủ, làm căn cứ để giải quyết trên thực tế. Tuy nhiên quá trình áp dụng pháp luật vào thực tiễn chưa đạt được kết quả như mong muốn bởi còn những nguyên nhân về nhận thức, ý thức của DN, người tiêu dùng,... Do đó, để góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN, Luận văn xin đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần phải phân biệt rõ hành vi xâm phạm SHCN thông thường và hành vi CTKLM liên quan đến quyền SHCN.

Pháp luật nước ta chưa phân định sự khác biệt rõ ràng giữa hành vi xâm phạm quyền SHCN thông thường với hành vi CTKLM liên quan đến quyền SHCN. Điều này dẫn đến khó khăn cho việc áp dụng điều luật để giải quyết trong từng trường hợp cụ thể. Ngay cả những cơ quan chuyên môn như: Cục Sở hữu trí tuệ và Cục Quản lý cạnh tranh cũng gặp rất nhiều vướng mắc khi xem xét, giải quyết những vụ việc CTKLM liên quan đến quyền SHCN. Có một số người cho rằng, hành vi CTKLM liên quan đến quyền SHTT là hành vi xâm phạm quyền SHCN nhưng có yếu tố CTKLM. Một số người lại cho rằng, CTKLM liên quan đến quyền SHCN là hành vi cạnh tranh liên quan đến đối tượng SHCN.

Thứ hai, nâng cao nhận thức của các DN sản xuất, KD - chủ thể quyền SHCN.

Để giảm thiểu các vụ việc CTKLM mới sẽ phát sinh sau này và không để các vụ việc đã bị xử lý nhưng vẫn tái phạm nhiều lần thì ý thức, nhận thức của các DN về vấn đề này mới chính là chìa khoá giúp tạo môi trường KD bình đẳng cho các DN trên thị trường hiện nay. Các DN cũng cần đẩy mạnh hơn nữa việc cải tiến công nghệ, đưa ra các mẫu mã ký hiệu có hàm lượng công nghệ cao, bảo đảm tính an toàn cho các sản phẩm của DN mình, để tội phạm khó có thể thực hiện các hành vi xâm phạm. Đồng thời cần chú trọng nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Bên cạnh đó, các DN SX, KD cần tăng cường việc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng khi bị xâm phạm quyền SHCN do hành vi CTKLM gây ra. Các tổ chức, cá nhân phải chủ động cung cấp thông tin về hàng hóa, các chứng cứ về hành vi vi phạm để các cơ quan chức năng có đủ cơ sở xử lý, sớm ngăn chặn các hành vi CTKLM này. Hơn nữa, các DN SX, KD cũng cần tích cực tham gia các hội thảo chuyên đề về quyền SHCN được tổ chức tại các cơ quan này để nhận được các giải đáp về các vấn đề còn thắc mắc và biết cách phòng vệ chính đáng trước các hành vi CTKLM.

DN cần tăng cường mối quan hệ mật thiết với người tiêu dùng. Trong KD, người tiêu dùng đóng góp một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của DN. Trong công tác đấu tranh chống các hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN cũng vậy, để có được các thông tin nhanh nhất, chính xác nhất về các sản phẩm vi phạm trên thị trường, DN cần có sự hợp tác, hỗ trợ từ phía người tiêu dùng, bởi người tiêu dùng là người trực tiếp sử dụng sản phẩm nên họ hiểu rõ hơn ai hết về chất lượng của sản phẩm.

Thứ ba, cần tăng cường hợp tác quốc tế về CTKLM trong lĩnh vực SHCN. So với các nước trên thế giới, LCT của Việt Nam ra đời muộn hơn, Việt Nam cần hợp tác với các quốc gia có nền kinh tế thị trường để được hỗ trợ đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực thi LCT và LSHTT. Hơn nữa, thông qua việc tham gia, ký kết các biên bản ghi nhớ, biên bản hợp tác với các cơ quan cạnh tranh quốc tế, các diễn đàn quốc tế về pháp luật và chính sách cạnh tranh và SHTT, Việt Nam có thể hợp tác đấu tranh chống lại những hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN có tính chất, quy mô vượt ra khỏi phạm vi lãnh thổ quốc gia.

KẾT LUẬN CHUNG

Có thể nói, nghiên cứu về CTKLM trong lĩnh vực SHCN không hoàn toàn là vấn đề mới mẻ trong khoa học luật ở nước ta. Tuy nhiên, việc xây dựng hệ thống quan điểm, cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật CTKLM trong lĩnh vực SHCN, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn hoạt động thương mại cũng như quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, là đòi hỏi cấp bách, đồng thời là nhiệm vụ hết sức khó khăn, phức tạp. Nó đòi hỏi phải có quá trình nghiên cứu, tập trung trí tuệ của nhiều ngành khoa học, nhằm xây dựng được một hệ thống pháp luật về CTKLM trong lĩnh vực SHCN hoàn chỉnh, đảm bảo cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế đất nước, cũng như quá trình tự do hóa thương mại được thực hiện có hiệu quả.

Ở nước ta, với việc ban hành LCT năm 2018 và LSHTT năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2022 bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đã cho thấy khía cạnh pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN đã phát huy những tác dụng tích cực với những quy định phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước, cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, góp phần tạo ra môi trường CTLM, thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực trên, từ việc làm rõ thực trạng quy định và thực tiễn áp dụng pháp luật đã cho chúng ta thấy, quy định của pháp luật về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN theo pháp luật Việt Nam vẫn còn có nhiều hạn chế: chưa rõ ràng, vẫn còn có sự chòng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, mức xử lý vi phạm còn thấp,.... Trong thời gian qua, mặc dù các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm đã mở rộng công tác đấu tranh chống CTKLM nhưng có thể nhận thấy rằng các hoạt động này chưa thực sự hiệu quả, các biện pháp xử lý chưa thực sự có tác dụng răn đe đối với các đối tượng vi phạm.

Do đó, để theo kịp với những đòi hỏi thực tiễn của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, đặc biệt là yêu cầu hội nhập nền kinh tế thế giới, vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật về SHTT nói chung và pháp luật về chống hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN nói riêng để phù hợp, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của pháp luật quốc tế trở nên thực sự cấp bách. Vì vậy, bên cạnh hoàn thiện hệ thống luật pháp về hành vi CTKLM trong lĩnh vực SHCN thì việc tăng cường và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật cũng rất cần được chú trọng. Để làm được điều này, cần có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các cơ quan thực thi khác nhau, cùng với sự hợp tác tích cực từ phía các DN và người tiêu dùng tại Việt Nam.